TCT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 90 /2020/CV- CT
V/v: Báo cáo và Công bố thông tin

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 09 -04- 2020
Số: 09431

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội
2. Mã chứng khoán: HCI
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 76 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Điện thoại: (024) 37168486/37165603 Fax: (024) 38292391
5. Người thực hiện công bố thông tin:

   Ông Nguyễn Viết Trường - Chủ tịch Hội đồng quản trị

   Người đại diện theo pháp luật của Công ty
6. Nội dung của thông tin công bố: Bổ sung hồ sơ tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
7. Địa chỉ Website: http://www.hancic.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu V, P6, TL.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY

M.S.D.N: 0100105045 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI - Q. TÂY HỒ - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Viết Trường

Địa chỉ liên hệ: 76 An Dương - Yên Phụ - Tây Hồ - Hà Nội
Website: http://www.hancic.com.vn - Email: myhancic@gmail.com
Điện thoại: (024) 3 829 2974 - (024) 3 716 5603 / Fax: (024) 3 829 2391

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Số: 05 /2020/NQ-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
V/v thông qua việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI (HANCIC)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội;
- Căn cứ kết quả lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị về việc: Thông qua việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (văn bản số 80/CV-HĐQT ngày 31/3/2020).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội nhất trí thông qua nghị quyết sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thống nhất thông qua việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội để bổ sung vào hồ sơ và nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 79/TTr-CT ngày 30/3/2020 của Tổng giám đốc Công ty *(chi tiết kèm theo)*.

Điều 2: Giao Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 triển khai các thủ tục liên quan theo qui định hiện hành.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, Thành viên Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc; các Phòng/Ban, Đơn vị và các CBCNV-LĐ liên quan có trách nhiệm tổ chức, thực hiện các nội dung của bản Nghị quyết này, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, các quy chế/quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100105045 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI - Q. TÂY HỒ - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Viết Trường

Nơi nhận:
- Điều 3;
- BKS;
- Lưu: V, P6.

TCT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HN
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Số: 19 /TTr - CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH

(Về việc thông qua việc dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Hà Nội;

A. CƠ SỞ ĐIỀU CHỈNH:

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Điều lệ Công ty") gồm 10 chương, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty năm 2011 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 05/01/2012.

Đến nay, theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan một số quy định tại Điều lệ Công ty năm 2011 không còn phù hợp. Ban Tổng giám đốc Công ty đã chủ trì sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

B. NHỮNG ĐIỂM MỚI SO VỚI ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2011:

1. Cổ đông sáng lập: bỏ phần qui định về cổ đông sáng lập vì Công ty đã chuyển đổi cổ phần 14 năm nên các quyền và hạn chế của cổ đông sáng lập không còn nữa.

2. Chuyển nhượng cổ phần: bỏ việc hạn chế chuyển nhượng cổ phần của Hội đồng quản trị.

(theo quy định tại khoản 1 - Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014: Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ cổ phần của cổ đông sáng lập)

3. Tỷ lệ họp Đại hội đồng cổ đông: giảm tỷ lệ họp từ 65% xuống còn 51% tổng số phiếu biểu quyết là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành.

(theo quy định tại khoản 1 - Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014)

4. Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- *Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành thay vì 75% theo điều lệ cũ:*
  - + *Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;*
  - + *Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;*
  - + *Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;*
  - + *Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;*
  - + *Tổ chức lại, giải thể công ty;*

- *Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành thay vì 75% theo điều lệ, trừ trường hợp bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.*
- *Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành thay vì 75% theo điều lệ cũ.*

5. Việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch: *Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất thay vì 50% theo điều lệ cũ.*

6. Tổng giám đốc: bỏ quy định Tổng giám đốc Công ty không được đồng thời là Tổng giám đốc doanh nghiệp khác.

(Điều 65 Luật Doanh nghiệp 2014 về Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc không có quy định này)

9. Con dấu: Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2014 cho phép doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Con dấu của Công ty được quy định như sau:

- *Con dấu của Công ty được khắc tròn (34 ly). Nội dung con dấu thể hiện thông tin sau:*
  - + *Tên doanh nghiệp;*
  - + *Mã số doanh nghiệp.*
- *Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội chỉ có một (01) con dấu.*

10. Bổ sung thêm 01 điều khoản: điều 35 - Người đại diện theo pháp luật

- Và các nội dung chi tiết khác được được ***in nghiêng, đậm*** trong bản dự thảo là: các nội dung được điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2014.

Trên đây là tóm tắt một số điểm điều chỉnh cơ bản của Điều lệ mới; Điều lệ gồm 10 chương, 60 điều (có bản dự thảo Điều lệ kèm theo).

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét!

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Vũ Mạnh Quyền

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *Lưu V, P6*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Dự thảo Sửa đổi, bổ sung

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

Ghi chú:
- Bổ sung thêm 01 điều: điều số 35 quy định về Người đại diện theo pháp luật
- Phần sửa đổi bổ sung được in đậm
- Bỏ phần các Chi nhánh, Cổ đông sáng lập và qui định về Trưởng ban Kiểm soát (thay bằng quy định về Trách nhiệm của Kiểm soát viên)

Tháng 4/2020

MỤC LỤC

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Giải thích từ ngữ:

Điều 1. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân của Công ty

Điều 2. Tên, trụ sở và phạm vi hoạt động

Điều 3. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh

Điều 4. Thời hạn hoạt động

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 7. Vốn điều lệ

Điều 8. Đóng góp cổ phần

Điều 9. Các loại cổ phần

Điều 10. Sổ Đăng ký cổ đông

Điều 11. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

Điều 12. Thừa kế cổ phần

Điều 13. Thu hồi cổ phần

Điều 14. Cổ phiếu

Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

Điều 16. Phát hành trái phiếu

Điều 17. Cổ đông

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

CHƯƠNG III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Thẩm quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Thể thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG IV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Hội đồng quản trị

Điều 25. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thể thức ứng cử , đề cử và bầu vào Hội đồng quản trị
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị
Điều 30. Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Điều 32. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

CHƯƠNG V
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 33. Tổng Giám đốc
Điều 34. Tổng Giám đốc có quyền hạn, nhiệm vụ và quyền lợi
Điều 35: Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Điều 36. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty
Điều 37. Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận
Điều 38. Uỷ quyền, uỷ nhiệm

CHƯƠNG VI
BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát
Điều 40. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát
Điều 41. Cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát
Điều 42. Trách nhiệm của Kiểm soát viên
Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

CHƯƠNG VII
LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 44. Lao động
Điều 45. Tuyển dụng lao động
Điều 46. Tiền lương
Điều 47. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

CHƯƠNG VIII
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Năm Tài chính
Điều 49. Quyết toán và kế hoạch tài chính
Điều 50. Thể lệ kế toán
Điều 51. Phân phối lợi nhuận
Điều 52. Phân chia lợi tức cổ phần
Điều 53. Xử lý kinh doanh khi thua lỗ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp

CHƯƠNG IX

GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 55. Giải thể

Điều 56. Thanh lý tài sản khi Công ty giải thể

Điều 57. Phá sản doanh nghiệp

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 58. Con dấu

Điều 59. Tuân thủ pháp luật

Điều 60. Hiệu lực thi hành

CHƯƠNG I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Giải thích từ ngữ:

Trong điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Công ty**: có nghĩa là Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội
- **Hội đồng quản trị:** có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty
- **Địa bàn kinh doanh**: có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài
- **Vốn Điều lệ**: là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được qui định tại Điều 7 Điều lệ này.(K1điều 111LDN)
- **Luật Doanh nghiệp**: có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội thông qua ***ngày 26 tháng11 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015***
- **Ngày thành lập**: là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên (ngày 05/06/2006)
- **Pháp luật**: có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, qui chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp qui khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm
- **Người quản lý doanh nghiệp**: là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc ***và các chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.***
- **Những người có liên quan**: có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được qui định tại khoản 17 điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 điều 6 Luật chứng khoán.
- **Phần vốn góp sở hữu nhà nước**: là phần vốn góp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác của Nhà nước do một cơ quan nhà nước hoặc tổ chức kinh tế làm đại diện chủ sở hữu.
- **Cổ đông**: ***là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty.***
- **Đại hội đồng cổ đông**: gồm tất cả các cổ đông được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- **Cổ tức:** có nghĩa là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

Điều 1: Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân của Công ty.

1. Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội thuộc sở hữu của các cổ đông, được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các qui định hiện hành của Nhà nước.

2. Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội:

a) Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt nam đồng và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong nước và nước ngoài theo qui định hiện hành

của Nhà nước.

b) Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó.

c) Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

d) Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội có trách nhiệm thừa kế mọi quyền và nghĩa vụ của Công ty Đầu tư - Xây dựng Hà Nội

Điều 2: Tên, trụ sở và phạm vi hoạt động:

1. Tên công ty:

- Tên gọi đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HÀ NỘI

- Tên giao dịch quốc tế: HANOI CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HANCIC

- Biểu tượng của Công ty

2. Trụ sở:

- Trụ sở chính của Công ty: Số 76 phố An Dương - Phường Yên Phụ - Quận Tây Hồ - Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: (84 - 4) 38292974/38293847 Fax: (84 - 4) 38292391

- Email:hancic@fpt.vn; Website: htt://WWW.hancic.com.vn

3. Phạm vi hoạt động:

- Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội hoạt động trên phạm vi lãnh thổ Nước Việt Nam. Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện tại Địa bàn kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với các nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 3: Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh:

1. Mục tiêu:

Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội được thành lập nhằm mục tiêu:

a) Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông và người lao động.

b) Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.

c) Huy động và sử dụng vốn của các cổ đông để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

d) Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

a) Lập và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;

b) Làm tư vấn cho các chủ đầu tư trong nước, nước ngoài về lĩnh vực lập và tổ chức thực hiện dự án, lĩnh vực đất đai xây dựng và giải phóng mặt bằng;

c) Thi công, xây lắp điện bao gồm:

- Đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Đường cáp ngầm có điện áp đến 110KV;
- Trạm biến áp có dung lượng đến 2500KVA;
- Tổ máy phát điện đến 2000 KVA, trạm thuỷ điện đến 10MW;
- Các công trình điện chiếu sáng, điện động lực phục vụ cho công nghiệp, dân dụng, thuỷ lợi;

d) Thi công, xây lắp công trình bao gồm:

- Công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, giao thông; Công trình thể dục thể thao, vui chơi giải trí và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Xây dựng cầu, hầm, nút giao thông khác cốt công trình giao thông đường bộ.
- Xây lắp các trạm, bồn chứa, đường ống và thiết bị gas, xăng dầu.
- Nạo vét, đào kênh mương, sông, mở luồng cảng sông - biển
- Lặn khảo sát, thăm dò, hàn cắt kim loại dưới nước, cắt phá trục vớt phế thải lòng sông - biển.

đ) Tư vấn, thiết kế:

- Lập qui hoạch chi tiết;
- Thiết kế điện chiếu sáng đô thị và nông thôn, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Thiết kế cấp điện: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cơ điện: đối với công trình xây dựng, và công trình điện năng;
- Thiết kế công trình điện năng: đường dây và trạm biến áp;
- Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35KV: đối với công trình điện năng;
- Thiết kế điện sinh hoạt, điện xí nghiệp: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế qui hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình văn hoá;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện: đối với công trình dân dụng và công nghiệp.

e) Kinh doanh dịch vụ khu đô thi mới và cụm công nghiệp

g) Kinh doanh bất động sản; Môi giới bất động sản

h) Khai thác và kinh doanh cát xây dựng (bao gồm cát bãi và cát hút;

i) Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, làm đại lý vật tư, thiết bị xây dựng và trang thiết bị nội, ngoại thất

k) Sản xuất lắp đặt tủ bảng điện tiêu dùng, điều khiển, phân phối, bảo vệ, đo lường điện; Vật liệu, phụ kiện phục vụ xây lắp điện.

l) Kinh doanh, mở đại lý ký gửi vật tư, thiết bị điện, cơ khí.

m) Gia công, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì thiết bị máy móc, cơ khí, điện , điện tử tin học.

n) Kinh doanh Xuất - Nhập khẩu vật tư, máy móc và thiết bị phục vụ chuyên ngành xây dựng, thể dục thể thao - vui chơi giải trí

o) Kinh doanh, dịch vụ vận tải đường bộ, đường thuỷ, nhiên liệu dùng cho động cơ xe - máy

p) Dịch vụ sửa chữa xe máy thi công xây dựng

q) Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bếp gas, bình nóng lạnh dùng gas và các sản phẩm thuộc ngành điện lạnh.

r) Kinh doanh khí đốt hoá lỏng, chiết nạp chai khí đốt hoá lỏng.

s) Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư trang thiết bị phục vụ chuyên ngành khí đốt hoá lỏng.

t) Khai thác, chế biến khoáng sản, lâm thổ sản và các sản phẩm nông nghiệp.

u) Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, ăn uống giải khát, thể dục thể thao - vui chơi giải trí; Sản xuất kinh doanh nước giải khát, rượu bia.

v***) Vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.***

Công ty có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác mà pháp luật không cấm ***và được Đại hội đồng cổ đông thông qua***.

Điều 4:Thời hạn hoạt động:

1. Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội là 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên ***(ngày 05 tháng 06 năm 2006).***

2. Thời gian hoạt động của Công ty có thể được gia hạn, rút ngắn hoặc chấm dứt do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Qui định của Pháp luật.

Điều 5: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động:

1. Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội là Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.(khoản 1 điều 149 LDN)

4. Chủ tịch hội đồng quản trị là người người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần do đại hội cổ đông bầu và miễn nhiệm.

Điều 6: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty cổ phần:

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật Việt nam và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động và tham gia hoạt động trong các tổ chức qui định tại khoản 1, 2 điều này.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 7: Vốn điều lệ:

1. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội là 52.320.000.000 đồng VN (Năm hai tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng VN):

2. Vốn điều lệ được chia thành: 5.232.000 cổ phần. Giá trị một cổ phần (mệnh giá cổ phiếu) là 10.000đồng (Mười ngàn đồng).

3. Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội là người đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, có thẩm quyền cử người đại diện để quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần.

4. Sử dụng vốn Điều lệ: Vốn Điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho các cổ đông.

5. Điều chỉnh vốn điều lệ:

- Vốn Điều lệ có thể được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) để thực hiện các mục tiêu của Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với các qui định của pháp luật.

Điều 8: Đóng góp cổ phần:

1. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam hoặc bằng hiện vật, được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.

2. Việc đăng ký mua cổ phần được xác nhận bằng một tờ phiếu có chữ ký của người mua (hoặc người được uỷ quyền mua) và của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Giá trị cổ phần đăng ký mua phải thanh toán ngay một lần sau khi có thông báo của Công ty.

Điều 9: Các loại cổ phần: (điều 113 LDN)

1. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành tại thời điểm ban hành điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.

2. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo qui định của pháp luật và

được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội cổ đông.

4. Người sở hữu cổ phần loại nào thì được hưởng các quyền và nghĩa vụ của cổ đông loại đó theo qui định của pháp luật và Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội.

Điều 10: Sổ Đăng ký cổ đông (điều 121 LDN)

Sổ đăng ký cổ đông là tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông.

Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1. Sổ Đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

2. Sổ Đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. (khoản 3 điều 121 LDN)

*3.*Chậm nhất là 14 ngày sau khi nhận được thanh toán đầy đủ cho các cổ phần do Công ty phát hành, Công ty phải ghi chép các chi tiết có liên quan đến cổ đông vào trong Sổ đăng ký cổ đông;

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú phải làm thủ tục thay đổi địa chỉ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do việc thay đổi địa chỉ của cổ đông.(khoản 4 điều 121 LDN);

5. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết, việc quản lý, sử dụng Sổ Đăng ký cổ đông được thực hiện theo qui định có liên quan của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 11: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần:

Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ thực hiện (theo điều 122 - LDN)

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây: (điều 125 – LDN)

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của ***Đại hội đồng cổ đông***;

2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả các cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty (khoản 1 -điều 124 - LDN).

3. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần:

Cổ phần phổ thông của Công ty được tự do chuyển nhượng.

Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tư, thủ tục, và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo qui định của pháp luật về chứng khoán.(khoản 2 điều 126 LDN)

(Bỏ phần quy định về chuyển nhượng cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị.)

Điều 12: Thừa kế cổ phần:

12.1- Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo Luật định. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng thư. Công ty không tham gia xử lý tranh chấp của những người thừa kế.

12.2- Khi được quyền sở hữu hoặc quyền thừa kế hợp pháp, cổ đông mặc nhiên phải tuân thủ những qui định trong Điều lệ, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được tự do thừa kế; nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý tương ứng.

12.3-Trong trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, hoặc thừa kế và văn bản cử người đại diện.

12.4-Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.(khoản 4 điều 126 LDN)

Điều 13: Thu hồi cổ phần:

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả cho việc được quyền mua cổ phần của Công ty phát hành thì Hội đồng quản trị sẽ gửi thông báo cho cổ đông đó để yêu cầu thanh toán tiền và tiền lãi được tích luỹ trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh của Công ty do việc không thanh toán này.

2. Thông báo nêu trên sẽ phải đưa ra một thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần được quyền mua mà chưa thanh toán hết đó sẽ phải bị thu hồi.

3. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

4. Cổ phần bị thu hồi và được giao nộp lại sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Khi một cổ phần đã được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do không gửi hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 14: Cổ phiếu

1. Hình thức:

Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. ***Theo qui định tại khoản 1 điều 120 - LDN cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây :***

a) Tên, ***mã số doanh nghiệp*** và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, ***số Thẻ căn cước công dân***, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

f) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

g) ***Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty*** và ngày phát hành cổ phiếu;

h) Các nội dung khác theo qui định tại các điều 116, 117 và 118 của LDN đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. ***Người đại diện theo***

pháp luật Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra .

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông và cổ đông đó phải chịu mọi phí tổn do việc đổi tờ cổ phiếu do Hội đồng quản trị quy định.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau:

a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 15: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại: (điều 131 – LDN)

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo qui định tại Điều 129 và Điều 130 - LDN nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo yêu cầu của cổ đông (điều 129 - LDN) và cổ phần mua lại theo quyết định của Công ty (điều 130 - LDN) được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 điều 111 - LDN. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có qui định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. ***Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.***

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 16: Phát hành trái phiếu: (điều 127 – LDN)

1. Công ty có thể phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó không được quyền phát hành trái phiếu ***trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có qui định khác.***

3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn

không bị hạn chế bởi qui định tại khoản 2 điều này.

4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

5. Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo qui định của Luật DN và các qui định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 17: Cổ đông:

1. ***Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của*** Công ty là cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội.

2. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty số vốn đã góp vào Công ty.

(Bỏ phần Cổ đông sáng lập)

Điều 18: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông:

1. Quyền của cổ đông phổ thông: (điều 114 – LDN)

a) Tham dự và phát biểu trong Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền:

- Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (thủ tục đề cử thực hiện theo qui định tại khoản 4 Điều 114 LDN;
- Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp qui định tại khoản 3

Điều 114 LDN;

- Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
- Có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  + Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ***ra quyết định*** vượt quá thẩm quyền được giao;
  + Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 6 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
- Các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.

2. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông: (điều 115 – LDN)

a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với qui định tại điều khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

b) Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.

c) Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

e) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

CHƯƠNG III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19: Thẩm quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: (điều 135 – LDN)

1. Thẩm quyền:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông qua định hướng phát triển Công ty

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

quyết định mức cổ tức hàng năm của mỗi loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

j) Quy định mức tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng (phạt) và các chế độ khác cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

k) Các quyền và nhiệm vụ khác qui định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 20: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: (điều 136 – LDN)

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên của Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng kiểm soát viên;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong những trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo ***qui định của pháp luật*** (03 thành viên);

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 2 điều 114 LDN;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b khoản 2 hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định tại khoản 3 điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định của LDN.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định thì Trưởng ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định tại khoản 4 điều này thì Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của LDN.

6. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị các tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của LDN;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp;

7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định tại khoản 3,4 và 5 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 21: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1.Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Những cổ đông đại diện pháp nhân đến họp phải được tiến cử bằng văn bản của chính pháp nhân cử đại diện.Cổ đông có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng. Giấy uỷ quyền ***theo mẫu của Công ty*** chỉ có giá trị một lần, người được uỷ quyền phải trình giấy uỷ quyền trước khi vào phòng họp. Ý kiến của

người được uỷ quyền tại Đại hội cổ đông là ý kiến người uỷ quyền.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến các cổ đông chậm nhất mười ***(10) ngày*** trước ngày khai mạc. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp và các tài liệu thảo luận. (điều 139 - LDN)

Điều 22: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông: (điều 141 – LDN)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất ***(51%) tổng*** số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không đủ điều kiện trên thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự kiến họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ***33% tổng*** số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp họp lần thứ hai không đủ điều kiện theo quy định, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a) Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra và xác nhận tư cách đại biểu tham dự.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền hợp lệ của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đứng ra triệu tập Đại hội cổ đông hoặc người được Đại hội bầu ra là người chủ toạ Đại hội.

c) Chủ toạ thông qua Đại hội đồng bầu Thư ký và Ban Kiểm phiếu (nếu có). Diễn biến Đại hội phải được ghi chép vào sổ biên bản có chữ ký của chủ toạ, chữ ký của trưởng Ban kiểm phiếu (nếu có).

d) Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình nghị sự đã được gửi kèm theo giấy mời họp.

Điều 23: Thể thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: (điều 144 – LDN)

1.Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Số phiếu biểu quyết được tính bằng số cổ phần sở hữu hoặc cổ phần đại diện của các cổ đông có quyền biểu quyết.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi, bổ sung ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; Tổ chức lại, giải thể Công ty;

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất

51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp qui định tại khoản 3 Điều 23 và Điều 26 Điều lệ này.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất ***51% tổng số*** phiếu biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được ***đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty*** hoặc thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua (theo khoản 5 điều 144 LDN).

7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như qui định.

CHƯƠNG IV
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội có quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội là (05 năm).

3. Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội có 05 thành viên gồm: Chủ tịch và 04 thành viên khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.(khoản 3 điều 150 LDN)

Điều 25: Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:(khoản 1 điều 151 - LDN)

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo qui định tại K2 - Điều 18 - LDN;

2. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý kinh doanh của Công ty và tổ chức quản lý của Công ty.

3. Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật, có đủ sức khoẻ;

Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty và ***có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Công ty khác***

Điều 26: Thể thức ứng cử , đề cử và bầu vào Hội đồng quản trị :

1. Đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị:

Đề cử: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên ***10%*** số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử người đủ tiêu chuẩn qui định tại Điều 25 Điều lệ này vào Hội đồng quản trị.

Ứng cử: Người có đủ tiêu chuẩn qui định tại điều 25 của Điều lệ này có quyền ứng cử vào Hội đồng quản trị.

2. Bầu trực tiếp bằng thể thức bỏ phiếu kín tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Người được trúng cử vào Hội đồng quản trị phải là người có tổng số phiếu bầu của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp cao nhất, được tính lần lượt từ cao xuống

cho đến khi đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo qui định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó. Nếu việc bầu lại vẫn chưa đạt kết quả, Đại hội đồng cổ đông có thể biểu quyết để khuyết thành viên Hội đồng quản trị nhưng phải tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 6 tháng sau đó.

5. Phiên họp đầu tiên của Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau, thì các thành viên HĐQT bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Việc bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải bằng hình thức bỏ phiếu kín (mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu), các nội dung bỏ phiếu phải thu được số phiếu quá bán so với số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

Điều 27: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị: (điều 149 - LDN)

1. Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội là cơ quan quản lý Công ty có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền nhân danh Công ty trừ những quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng.

2. Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội có quyền và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo từng hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;(khoản 1 điều 130 LDN)

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo qui định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Qui định này không áp dụng đối với các hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d - khoản 2 - điều 19 , khoản 1 và khoản 3 - điều 37 Điều lệ này.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, các trưởng phòng, ban nghiệp vụ trong Công ty, Giám

đốc đơn vị thành viên. Quyết định mức lương và lợi ích khác của cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội cổ đông thông qua quyết định;

m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả, ***quyết định*** thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, ***yêu cầu phá sản*** Công ty;

p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng qui định của pháp luật, điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với qui định của pháp luật hoặc điều lệ của Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 28: Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm Tổng Giám đốc công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau: (khoản 3 điều 152 - LDN)

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức và thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị ;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ***cuộc họp Hội đồng quản trị***;

f) Quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 29: Cuộc họp của Hội đồng quản trị: (điều 153 - LDN)

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ, bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết. Nhưng mỗi quí phải họp ít nhất một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Có đề nghị của nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng, nếu Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý theo qui định tại điều 160 - LDN

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn ***07 ngày làm việc,*** kể từ ngày nhận được đề nghị tại khoản 3 điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ***03 ngày làm việc*** trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên Công ty như đối với thành viên HĐQT.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

*7. **Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo qui***

định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo qui định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị đươc coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp khi được đa số thành viên HĐQT chấp thuận (theo khoản 10 điều 153 - LDN);

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền chủ toạ.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản, Biên bản phải đầy đủ các nội dung theo qui định tại điều 154 - LDN và phải được thông qua công khai trong Hội đồng quản trị (chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị).

Điều 30: Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị: (điều 155 - LDN)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công tyvà của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 31: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: (điều 156 - LDN)

Thành viên của Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo qui định tại Điều 151 - LDN;

2. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Có đơn xin từ chức;

4. Bị miễn nhiệm bất kỳ lúc nào theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 thành viên so với số qui định tại Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho các thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 32: Thù lao, tiền lương và các lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương (phụ cấp), tiền thưởng mức cụ thể do đại hội cổ đông hàng năm quyết định và các chi phí khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao có liên quan đến quản lý của Công ty.

2. Những nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện bằng quy chế riêng của công ty và được điều chỉnh tuỳ theo kết quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận hàng năm của công ty.

3. Nếu thành viên Hội đồng quản trị kiêm chức danh quản lý, điều hành ngoài tiền lương của các chức danh đó còn được hưởng các quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị như khoản 1 của điều này.

CHƯƠNG V
TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 33: Tổng Giám đốc:

1. Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng Giám đốc có thể là người trong Công ty hoặc thuê ngoài, nhưng trước hết chọn và bổ nhiệm người trong cổ đông, hoặc trong các thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thuê Tổng Giám đốc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Tổng Giám đốc.

3. Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo qui định tại khoản 2 Điều 18 LDN;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

4. Giúp việc Tổng Giám đốc có các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng Tài chính – Kế toán); các Trưởng, Phó phòng, Ban nghiệp vụ.

Điều 34: Tổng Giám đốc có quyền hạn, nhiệm vụ và quyền lợi sau: (điều 157 - LDN)

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị

về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

2. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần có quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

5. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, qui chế quản lý nội bộ công ty;

6. Xây dựng quy chế quản lý nội bộ của công ty thông qua Hội đồng quản trị duyệt ban hành và tổ chức thực hiện;

7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

8. Có quyền tăng, giảm, điều hành, bố trí sắp xếp lao động theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh phù hợp với Bộ Luật Lao động

9. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

10. Kiến nghị phương án trả cổ tức và xử lý lỗ trong kinh doanh;

11. Có quyền khen thưởng, sử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo nội quy lao động của Công ty đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và phù hợp với Bộ Luật Lao động.

12. Tổ chức công tác thống kê, kế toán, tài chính trong công ty, xây dựng báo cáo quyết toán hàng năm.

13. Tổng Giám đốc chịu sự quản lý trực tiếp của Hội đồng quản trị và sự kiểm tra của Ban Kiểm soát công ty.

14. Tổng Giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng và các phụ cấp khác do Hội đồng quản trị quyết định.

15. Hàng năm trích lập quỹ dự phòng theo quy định hiện hành để lập quỹ trợ cấp mất việc làm cho người lao động trong Công ty.

16. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 35: Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội: (điều 14 - LDN)

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội .

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội

kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 điều này.

Điều 36: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội: (điều 160 - LDN)

1. Người quản lý Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội trong phạm vi và quyền hạn nhiệm vụ của mình phải có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và của cổ đông Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có một phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

2. Khi Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

a) Phải thông báo tình hình tài chính của công ty cho tất cả các chủ nợ biết;

b) Không được tăng lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên công ty kể cả cho những người quản lý công ty.

3. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với các chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các khoản 1 của Điều này;

4. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty;

5. Các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

Điều 37: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: (điều 162 - LDN)

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu ***trên 10% tổng*** số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

b) Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc ***và người có liên quan của họ.***

c) Doanh nghiệp qui định tại khoản 2 Điều 159 LDN.

2. Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ***35%*** tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trường hợp này, ***người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch***. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp qui định tại khoản 2 Điều này. ***Trong trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch***. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo qui định của pháp luật được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo qui định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, ***gây thiệt hại cho công ty; Người ký kết hợp đồng***, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 38: Uỷ quyền, uỷ nhiệm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Tổng Giám đốc có thể có quyền uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm cho Tổng giám đốc/ Phó Tổng giám đốc hoặc những người có chức danh quản lý khác trong công ty thay mặt mình thi hành một số nhiệm vụ của Công ty bằng văn bản, nhưng phải chịu trách nhiệm pháp lý trước sự uỷ quyền, uỷ nhiệm.

2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và pháp luật về việc mình làm.

CHƯƠNG VI
BAN KIỂM SOÁT

Điều 39: Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát:

1. Đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát:

Đề cử: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên ***10%*** số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử người đủ tiêu chuẩn qui định tại khoản 4 điều 39 của Điều lệ này vào Ban kiểm soát.

Ứng cử: Người có đủ tiêu chuẩn qui định tại khoản 4 điều 39 của Điều lệ này có quyền ứng cử vào Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đầu tư – Xây dựng Hà Nội có 03 thành viên. ***Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế.***

- Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.(điều 163 - LDN)

- Việc bỏ phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín, người trúng cử vào Ban kiểm soát phải là người có số phiếu bầu cao nhất tính từ trên xuống cho đến khi đủ số thành viên theo qui định tại điều lệ Công ty. Trường hợp những người cuối cùng có số phiếu bằng nhau, sẽ tổ chức bầu lại trong số họ và lấy người có phiếu bầu từ cao xuống thấp. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo thể thức bầu bằng bỏ phiếu kín (mỗi thành viên Ban Kiểm soát có một phiếu), người trúng cử Trưởng ban kiểm soát phải thu được số phiếu quá bán so với số thành viên Ban kiểm soát của Công ty. ***Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.***

4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo qui định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong Công ty.

Điều 40: Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát: (điều 165 - LDN)

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; ***tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công***

tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của công ty;

3. Thẩm định ***tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của*** báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết ***hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 2 điều 114 – LDN.***

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 2 điều 114 – LDN, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát không được làm cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị; không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

7. Kiến nghị ***Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông*** các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý,***giám sát*** và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty theo qui định tại điều 35 Điều lệ này thì phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

13. Ban Kiểm soát được hưởng tiền lương và quyền lợi theo qui định tại Điều 167 – LDN.

Điều 41: Cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát: (điều 166 - LDN)

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức

như đối với thành viên HĐQT.

2. Các Nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các cổ đông, thành viên HĐQT.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc;

5. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động SXKD của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 42: Trách nhiệm của Kiểm soát viên (điều 168 - LDN)

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo qui định của LDN và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ qui định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 43: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:(điều 169 - LDN)

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo qui định tại khoản 4 điều 39 Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 6 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại LDN và Điều lệ Công ty.

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

CHƯƠNG VII

LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 44: Lao động.

Việc tuyển dụng, sử dụng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ Luật Lao động, nội qui lao động, thoả ước lao động tập thể và nội dung hợp đồng lao động Công ty đã ký với người lao động.

Điều 45: Tuyển dụng lao động.

Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo Qui chế Tuyển dụng lao động của Công ty.

1. Tổng Giám đốc có quyền tăng, giảm lao động theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phù hợp với Bộ Luật Lao động.

2. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, Công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và khả năng hoàn thành công việc mà công ty cần.

(Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc Công ty sẽ cụ thể hoá khi có nhu cầu tuyển dụng)

3. Ưu tiên tuyển chọn con em cổ đông của Công ty nhưng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn đề ra.

4. Nếu có trường hợp thừa kế muốn được thay thế làm việc, người đó cũng phải có đủ những tiêu chuẩn quy định và đúng với nhu cầu tuyển dụng.

Điều 46: Tiền lương.

Tiền lương và các khoản phụ cấp, tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng, hiệu quả của người lao động, phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 47: Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động.

1. Người lao động trong Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội được hưởng quyền lợi theo quy định của bản Điều lệ này, hợp đồng lao động, bản thoả ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty cổ phần đã đăng ký tại cơ quan Lao động địa phương và các quyền lợi khác theo qui định của Pháp luật lao động.

2. Người lao động được thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định của Bộ Luật Lao động.

3. Người Lao động phải chấp hành đầy đủ những điều thoả thuận trong hợp đồng lao động đã ký với người sử dụng lao động và Điều lệ, Nội quy lao động, các quy chế của công ty và pháp luật của Nhà nước.

CHƯƠNG VIII
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN
VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48: Năm Tài chính

Năm Tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 49: Quyết toán và kế hoạch tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ tình hình hoạt động kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính đã được kiểm toán và kế hoạch SXKD cho năm tiếp theo.

Điều 50: Thể lệ kế toán.

Thể lệ kế toán căn cứ vào Luật Kế toán của Việt Nam và các văn bản quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 51: Phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận của Công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng thu trừ đi tổng chi hợp lý và các khoản thuế, các khoản phải nộp cho Nhà nước theo luật định.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty và mức trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển tối thiểu 05% lợi nhuận.
- Quỹ phúc lợi và khen thưởng tối thiểu 5% lợi nhuận, số dư hàng năm tối đa không được vượt quá 2 tháng lương thực tế bình quân của năm (tính từ lần trích đầu tiên).

Sau khi trích lập các quỹ nói trên, lợi nhuận còn lại được chia cho các cổ phần gọi là cổ tức.

Điều 52: Phân chia lợi tức cổ phần.

Lợi tức cổ phần (cổ tức) được chia định kỳ mỗi năm một lần vào quý 2 năm sau căn cứ vào quyết toán lỗ, lãi được chia bổ sung thêm hoặc khấu trừ vào lợi tức cổ phần của năm sau và được công bố công khai.

Điều 53: Xử lý kinh doanh khi thua lỗ.

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo.

Điều 54: Giải quyết tranh chấp.

1. Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội có quyền bình đẳng trước pháp luật

với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tranh chấp, tố tụng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền là người đại diện Công ty trước pháp luật.

3. Các thành viên trong Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội có hành vi vi phạm bản Điều lệ Công ty đều bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt hành chính hoặc bị truy tố trước pháp luật.

CHƯƠNG IX
GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 55: Giải thể (điều 201 - LDN)

Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội chỉ giải thể trong các trường hợp sau:

1. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn thêm.

2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu là 03 người trong thời hạn liên tục 06 tháng mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

4. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 56: Thanh lý tài sản khi Công ty giải thể

1. Khi Công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo pháp luật hiện hành.

2. Xử lý tài sản khi Công ty giải thể:(khoản 5 điều 202 - LDN)

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản Công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế.

c) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty có thế chấp.

d) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty không có thế chấp.

e) Phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần.

Điều 57: Phá sản doanh nghiệp.

Việc phá sản Doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 58: Con dấu (Điều 44 - LDN)

1.Con dấu của Công ty được khắc tròn (34 ly). Nội dung con dấu thể hiện thông tin sau:

a) Tên doanh nghiệp;

b) Mã số doanh nghiệp.

2. Công ty cổ phần Đầu tư - xây dựng Hà Nội chỉ có một (01) con dấu.

3. Trước khi sử dụng, Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Con dấu của Công ty được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty; Chủ tich Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước .

Điều 59: Tuân thủ pháp luật

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 60: Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 10 chương (mười chương), 60 điều (sáu mươi điều) được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội nhất trí thông qua ngày .....tháng.....năm..... tại trụ sở Công ty số 76 phố An Dương - phường Yên Phụ - quận Tây Hồ - thành phố Hà Nội - Việt Nam

2. Bản Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị .

Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Nguyễn Viết Trường